

Số: 73 /QĐ-SNV

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước
năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, tinh gọn;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho cơ quan Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị trực thuộc, chi tiết theo các Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 được giao, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc NN KV XIII;
- Công khai trên trang TTĐT Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, VP (05b).



Võ Chí Vương

PHỤ LỤC

CÔNG BỐ CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH VÀ BỔ SUNG DỰ TOÁN CỦA CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ SAU SẮP XẾP, TỈNH GỌN



Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn ĐVQHNS	Mã kho bạc	Nội dung	Dự toán còn lại 10 tháng của các cơ quan đơn vị thời điểm sát nhập	Dự toán điều chỉnh		Dự toán 2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung
						Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
				TỔNG CỘNG	49.362.987.287	15.280.904.154	-3.314.431.800	61.329.459.641
435	341			I. CHI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	44.756.987.287	6.939.058.425	-3.302.431.800	48.393.613.912
		1040167	2061	Văn phòng Sở	41.523.555.487	6.939.058.425	-69.000.000	48.393.613.912
		13		- Kinh phí thực hiện tự chủ	10.470.000.000	6.316.534.473	0	16.786.534.473
				KP tiền lương theo ND 38/2019/NĐ-CP	5.067.000.000	1.990.217.324		7.057.217.324
				Kinh phí chi lương HLDĐ	230.000.000	742.158.273		972.158.273
				Kinh phí hoạt động theo định mức	2.055.000.000	2.203.920.000		4.258.920.000
				- <i>Kinh phí thực hiện CCTL</i>				
				KP 10% tiết kiệm cải cách tiền lương	228.000.000	244.880.000		472.880.000
				KP tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	1.054.000.000	414.072.061		1.468.072.061
				KP tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.836.000.000	721.286.815		2.557.286.815
435	341	1040167	2061	Văn phòng Sở	31.053.555.487	622.523.952	-69.000.000	31.607.079.439
		12		- Kinh phí không thực hiện tự chủ	31.053.555.487	622.523.952	-69.000.000	31.607.079.439
				Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	69.000.000			
				KP Khu liên cơ	648.000.000			648.000.000
				KP tiếp công dân (Thanh tra Sở)	38.000.000			38.000.000
				KP kiểm tra Đoàn kiểm tra kỷ luật, kỷ cương của tỉnh	15.000.000			15.000.000
				KP trang phục thanh tra	32.000.000	13.000.000		45.000.000
				Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	80.000.000	60.000.000		140.000.000
				Lĩnh vực công tác thanh niên	43.000.000			43.000.000
				Thi đua khen thưởng	17.646.633.919			17.646.633.919
				Kinh phí "Xây dựng Công thông tin Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh, phần mềm Quản lý lưu trữ tài liệu điện tử và số hóa"	3.690.341.318			3.690.341.318
				KP Đề án "Số hóa tài liệu lưu trữ tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2024 - 2026"	2.584.921.000			2.584.921.000

				KP tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức của tỉnh năm 2024	675.389.000			675.389.000
				Đề án tổng thể về xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương	4.999.246.000			4.999.246.000
				KP thực hiện đón tiếp Đoàn công tác của Bộ Nội vụ và đại biểu dự Hội nghị	10.024.250			10.024.250
				Kinh phí hoạt động thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa		78.140.563		78.140.563
				Kinh phí xét tuyển viên chức sự nghiệp		36.000.000		36.000.000
				Kinh phí Đề án "Nâng cao năng lực thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2021-2025"		145.000.000		145.000.000
				Kinh phí hỗ trợ cho công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa		18.400.000		18.400.000
				Hội nghị triển khai công tác LD, NCC và xã hội		67.200.780		67.200.780
		18		Qũy tiền thưởng theo ND 73/2024/NĐ-CP	522.000.000	204.782.609		726.782.609
435	341	1082955	2061	Ban Tôn giáo	3.233.431.800	0	-3.233.431.800	0
				- Kinh phí thực hiện tự chủ	1.505.902.166	0	-1.505.902.166	0
				KP tiền lương theo ND 38/2019/NĐ-CP	781.692.870		-781.692.870	0
				Kinh phí hoạt động theo định mức	238.149.166		-238.149.166	0
				KP 10% tiết kiệm cải cách tiền lương	35.000.000		-35.000.000	0
				KP tiền lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP	164.492.518		-164.492.518	0
				KP tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	286.567.612		-286.567.612	0
435	341	1082955	2061	Ban Tôn giáo	1.727.529.634	0	-1.727.529.634	0
				- Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.727.529.634	0	-1.727.529.634	0
				Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	10.000.000		-10.000.000	0
				KP Chính sách Tôn giáo:	682.529.634		-682.529.634	0
				KP hỗ trợ đặc thù ngành Tôn giáo	70.000.000		-70.000.000	0
				KP tuyên truyền phổ biến thủ tục hành chính lĩnh vực tôn giáo theo QĐ số 868/QĐ-BNV ngày 17/8/2015	270.000.000		-270.000.000	0
				Khám sức khỏe cho các sư tăng công tác ở Trường Sa	12.000.000		-12.000.000	0
				Đại hội nhiệm kỳ của các Tôn giáo:	49.000.000		-49.000.000	0

					Kinh phí xác minh, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo	9.400.000		9.400.000
					Đề án giải quyết lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh	720.000.000		720.000.000
					Chương trình an toàn vệ sinh lao động tỉnh	144.000.000		144.000.000
435	398	12	1040167	2061	c. Nghĩa trang Hòn Dung: Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	840.689.365	0	840.689.365
					Kinh phí phục vụ các ngày lễ (thăm viếng nghĩa trang), các khoản chi điện thắp sáng, nước, tưới cây, phân bón, dụng cụ lao động, sửa chữa, trực lễ...	404.511.451		404.511.451
					Kinh phí hoạt động của Nghĩa trang liệt sĩ Hòn Dung	425.977.914		425.977.914
435	371	13	1095398	2061	2. Trung tâm Điều dưỡng và chăm sóc người có công tỉnh Khánh Hòa	2.020.121.571	0	2.020.121.571
					Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.839.121.571	0	1.839.121.571
					- Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP	1.175.000.000		1.175.000.000
					- Kinh phí hoạt động DM	330.100.000		330.100.000
					Kinh phí thực hiện CCTL			0
					- Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP, Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	273.121.571		273.121.571
					- 10% tiết kiệm tạo nguồn CCTL	60.900.000		60.900.000
		12			Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	181.000.000	0	181.000.000
					- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	21.000.000		21.000.000
					- Chi đối tượng tại Trung tâm Điều dưỡng và chăm sóc người có công tỉnh	160.000.000		160.000.000
435	398	13	1006446	2061	3. Trung tâm dịch vụ việc làm	2.822.000.000	0	2.822.000.000
					Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.232.000.000	0	2.232.000.000
					- Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP	1.094.000.000		1.094.000.000
					- Kinh phí hoạt động theo định mức	458.900.000		458.900.000
					Kinh phí thực hiện CCTL			0
					- 10% tiết kiệm tạo nguồn CCTL	80.100.000		80.100.000

